

Bản án số: 456/2025/DS-ST

Ngày: 12/6/2025

V/v tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nam Hải,
Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh,
Ông Phạm Quốc Thi.

- Thư ký viên Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hồng Mạnh Hải, Thư ký vin Toà án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: B Phan Ngọc Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 827/2024/DSST ngày 15 tháng 10 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 827/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 796/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1)**, địa chỉ: Lầu A số B - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Ngọc M (có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: bà **Bùi Thị Phương T**, địa chỉ: B T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, nội dung vụ án như sau:

Ngày 28/3/2022 bà Bùi Thị Phương T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Visa số 356480-4151 với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là: S1), hạn mức thẻ 70.000.000 đồng, lãi trong hạn 2,766%/tháng, lãi quá hạn 4,149%/tháng, mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân. Bà T đã thực hiện các giao dịch từ thẻ tín dụng với số tiền 193.881.448 đồng, đã thanh toán được 153.545.360 đồng, rồi bà T không thanh toán tiếp theo các đợt đã thỏa thuận với S1.

Ngày 16/3/2024, S1 chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển dư nợ sang nợ quá hạn là 76.646.125 đồng.

Tính đến ngày 12/6/2025 bà T còn nợ S1 là 124.771.033 đồng, trong đó: nợ gốc: 76.646.125 đồng, lãi quá hạn: 48.124.908 đồng.

Bà Bùi Thị Phương T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 13/6/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay theo lãi suất quy

định tại Hợp đồng.

** Đối với bị đơn bà Bùi Thị Phương T:*

Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 827/2024/TB-TLVA ngày 15 tháng 10 năm 2024; giấy triệu tập tự khai; hai Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà T đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án quyết định xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có Đơn yêu cầu vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt, không có yêu cầu phản tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: việc xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện thủ tục tổng đạt các loại văn bản tố tụng và xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung vụ án: qua kết quả phân thủ tục hỏi, phân tranh luận tại phiên tòa, việc thẩm tra, xem xét chứng cứ của Hội đồng xét xử là đầy đủ, rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn bà Bùi Thị Phương T thanh toán nợ vay thẻ tín dụng cho Ngân hàng TMCP S, tính đến ngày 12/6/2025 là 124.771.033 đồng, trong đó: nợ gốc: 76.646.125 đồng, lãi quá hạn: 48.124.908 đồng. Đồng thời, bà Bùi Thị Phương T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 13/6/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố H, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về đơn khởi kiện của nguyên đơn:

Hình thức, nội dung Đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là: S1) thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về tư cách pháp nhân:

S1 có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301103908, đăng ký lần đầu ngày 13/01/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 41 ngày 26/12/2022, được cấp bởi Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H. Như vậy, về tư cách pháp nhân của Ngân hàng, phù hợp quy định của Luật doanh nghiệp.

[3] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng:

Tổng giám đốc S1 có văn bản ủy quyền thường xuyên cho Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S ký Đơn khởi kiện; sau đó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S đã có văn bản ủy quyền lại cho anh Nguyễn Ngọc M tham gia tố tụng trong vụ án

dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản đối với bà Bùi Thị Phương T, việc ủy quyền và nhận ủy quyền là phù hợp quy định của Bản điều lệ S1, pháp luật về dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Trong vụ án này, căn cứ bản sao Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng; bản phô tô giấy CCCD của bà Bùi Thị Phương T; hai bên đương sự thống nhất chọn nơi bà T đăng ký hộ khẩu thường trú là địa chỉ liên lạc và gửi các văn bản giao dịch, nên việc “tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” là loại tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về tính tự nguyện giao kết giữa các chủ thể khi giao kết hợp đồng:

Hai bên đương sự có xác lập Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng theo mẫu chung do Ngân hàng dự thảo, theo quy định tại Điều 405 Bộ luật dân sự 2015, việc hai bên ký kết hợp đồng theo đúng trình tự, thủ tục quy định, nên Hội đồng xét xử xét, hình thức và nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng được giao kết và thực hiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc khi giao kết hợp đồng.

[6] Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Trong vụ án này, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Bùi Thị Phương T. Hết thời hạn quy định của các văn bản tố tụng, bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; do vậy, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận bị đơn không có yêu cầu phản tố.

** Về nội dung vụ án:*

[7] Việc bổ sung tài liệu, chứng cứ:

Tại phiên tòa, các đương sự cam kết không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì khác ngoài các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án.

[8] Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[8.1] Về số nợ vốn:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Thông báo về việc quá hạn thanh toán dư nợ vay và dư nợ thẻ tín dụng tại S1; Thông báo nhắc nợ; Bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền S1; bảng tính gốc, lãi khách hàng,... do S1 lập, cùng các tài liệu chứng cứ khác, Hội đồng xét xử xét, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, thể hiện bà Bùi Thị Phương T là người xác lập giao dịch dân sự với S1: mở thẻ tín dụng Visa số 356480-4151 với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là: S1), hạn mức thẻ 70.000.000 đồng, lãi trong hạn 2,766%/tháng, lãi quá hạn 4,149%/tháng, mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân. Bà T đã thực hiện các giao dịch từ thẻ tín dụng với số tiền 193.881.448 đồng, đã thanh toán được 153.545.360 đồng, rồi bà T không thanh toán tiếp theo các đợt đã thỏa thuận với S1. Ngày 16/3/2024, S1 chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển dư nợ sang nợ quá hạn là 76.646.125 đồng.

Tính đến ngày 12/6/2025 bà T còn nợ gốc của S1 là 76.646.125 đồng.

[8.2] Về nợ lãi suất:

S1 và bà Bùi Thị Phương T thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của S1, thể hiện lãi suất (trong hạn, quá hạn) là căn cứ theo Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Biểu phí thẻ tín dụng quốc tế, được ban hành theo nội dung Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động thẻ ngân hàng; Thông tư số 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét, lãi suất thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng là lãi trong hạn 2,766%/tháng, lãi quá hạn 4,149%/tháng, tính đến ngày 12/6/2025 bà Bùi Thị Phương T nợ lãi quá hạn là: 48.124.908 đồng, đây là lãi suất thỏa thuận giữa S1 và bà Bùi Thị Phương T, phù hợp quy định của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng N sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên chấp nhận.

[9] Căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các chứng cứ, phân tích đánh giá toàn bộ nội dung vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà Bùi Thị Phương T là người yêu cầu S1 mở thẻ tín dụng hạn mức 70.000.000 đồng, hiện dư nợ của bà Tâm T1 đến ngày 12/6/2025 là 124.771.033 đồng, trong đó: nợ gốc: 76.646.125 đồng, lãi quá hạn: 48.124.908 đồng.

Việc bà Bùi Thị Phương T là người vi phạm thỏa thuận hợp đồng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của S1, do vậy S1 yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị Phương T thanh toán khoản nợ tổng cộng là 124.771.033 đồng, nêu trên, làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; đồng thời, bà T còn phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, do các bên thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của S1, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, kể từ ngày 13/6/2025, cho đến khi bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với S1.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Bùi Thị Phương T phải chịu án phí dân sự 1 6.238.500 đồng (làm tròn số).

S1 không phải chịu án phí dân sự, S1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 2.295.110 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 93, 94, 96, 97, 101, 106, 109, 189, điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228, Điều 233, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật doanh nghiệp; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 405 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật thi hành án dân sự;

Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Thông tư số 1/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 19/2016/TT-NHNN 30 tháng 6 năm 2016 của thống đốc ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN 30 tháng 12 năm 2016 của thống đốc ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng N sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc bà Bùi Thị Phương T có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tổng cộng số tiền tính đến ngày 12 tháng 6 năm 2025 là 124.771.033 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn không trăm ba mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc: 76.646.125 đồng (Bảy mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn một trăm hai mươi lăm đồng), lãi quá hạn: 48.124.908 đồng (Bốn mươi tám triệu một trăm hai mươi bốn ngàn chín trăm lẻ tám đồng).

Đồng thời bà Bùi Thị Phương T còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, tính từ ngày 13 tháng 6 năm 2025 cho đến khi bà Bùi Thị Phương T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Cách thức thanh toán: bà Bùi Thị Phương T có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tổng cộng số tiền là 124.771.033 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn không trăm ba mươi ba đồng), nêu trên, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Bùi Thị Phương T phải chịu án phí dân sự là 6.238.500 đồng (Sáu triệu hai trăm ba mươi tám ngàn năm trăm đồng). Bà Bùi Thị Phương T nộp số

tiền án phí dân sự 6.238.500 đồng (Sáu triệu hai trăm ba mươi tám ngàn năm trăm đồng), nêu trên, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự, Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp 1 2.295.110 đồng (Hai triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn một trăm mười đồng), theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: BLTU/24P số 0045039, ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần S, bà Bùi Thị Phương T, vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN
TÒA**

Lê Nam Hải

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thảo LinhPhạm Quốc Thái

Lê Nam Hải

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại Phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Nam H,
- *Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Thảo L,
Ông Phạm Quốc T2.

Đã tiến hành nghị án hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 827/2024/DSST ngày 15 tháng 10 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 827/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 796/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1)**. Người đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Ngọc M (có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: bà **Bùi Thị Phương T** (vắng mặt tại phiên tòa).

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết về những vấn đề sau:

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 93, 94, 96, 97, 101, 106, 109, 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật doanh nghiệp;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 405 Bộ luật dân sự năm 2015;

Luật thi hành án dân sự;

Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Thông tư số 1/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số [19/2016/TT-NHNN](#) 30 tháng 6 năm 2016 của thông đốc ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng một số điều của thông tư số [39/2016/TT-NHNN](#) 30 tháng 12 năm 2016 của thông đốc ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng N sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số [39/2016/TT-NHNN](#) 30 tháng 12 năm 2016 của Thông đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí tòa án.

Biểu quyết:

.....

2. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc bà Bùi Thị Phương T có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tổng cộng số tiền tính đến ngày 12 tháng 6 năm 2025 là 124.771.033 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn không trăm ba mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc: 76.646.125 đồng (Bảy mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn một trăm hai mươi lăm đồng), lãi quá hạn:

48.124.908 đồng (Bốn mươi tám triệu một trăm hai mươi bốn ngàn chín trăm lẻ tám đồng).

Đồng thời bà Bùi Thị Phương T còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, tính từ ngày 13 tháng 6 năm 2025 cho đến khi bà Bùi Thị Phương T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Cách thức thanh toán: bà Bùi Thị Phương T có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tổng cộng số tiền là 124.771.033 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn không trăm ba mươi ba đồng), nêu trên, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Biểu quyết:

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Bùi Thị Phương T phải chịu án phí dân sự là 6.238.500 đồng (Sáu triệu hai trăm ba mươi tám ngàn năm trăm đồng). Bà Bùi Thị Phương T nộp số tiền án phí dân sự 6.238.500 đồng (Sáu triệu hai trăm ba mươi tám ngàn năm trăm đồng), nêu trên, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.2. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự, Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp 1 2.295.110 đồng (Hai triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn một trăm mười đồng), theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: BLTU/24P số 0045039, ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Biểu quyết:

4. Về quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự:

Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biểu quyết:

5. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng thương mại cổ phần S, bà Bùi Thị Phương T, vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Biểu quyết:

Buổi nghị án kết thúc lúc 10 giờ 50 phút cùng ngày, các thành viên Hội đồng xét xử đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN

TÒA